TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/DS-ST
Ngày: 25-6-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Ông Bùi Thanh Hải.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương*** *tham gia phiên tòa*: Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Hoàng A, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 và ông Đào Trọng H; cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 15/11/2018, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày*: Bà A có cho vợ chồng bà H và ông H mượn tiền 02 lần, cụ thể lần 1 là vào ngày 28/3/2017 mượn số tiền là 10.000.000 đồng; lần 2 là vào ngày 11/4/2017 mượn tiếp số tiền 5000.000 đồng. Tổng cộng bà H và ông H mượn của bà A số tiền là 15.000.000 đồng. Việc vay mượn tiền thì hai bên có làm giấy tờ và ký tên xác nhận, thời gian trả là khi nào bà A cần tiền thì ông H, bà H sẽ trả cho bà A. Nhưng cho đến nay, đã nhiều lần bà A yêu cầu bà H, ông H trả tiền nhưng bà H, ông H không thực hiện. Vì vậy, nay bà A yêu cầu Tòa án

giải quyết buộc bà H và ông H phải có nghĩa vụ liên đới tranh toán cho bà A số tiền 15.000.000 đồng.

- *Tại bản tự khai ngày 26/02/2019 bị đơn ông Đào Trọng H trình bày*: Do có quen biết nên vào ngày 28/3/2017 vợ chồng ông H, bà H có mượn của bà A số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 11/4/2017 ông H, bà H mượn tiếp số tiền 5.000.000 đồng. Việc vay mượn tiền 02 bên có làm giấy tờ và ông H, bà H có ký tên xác nhận. Tuy nhiên, ông H chỉ ký vào giấy mượn tiền, còn bà H là người nhận tiền.

Bị đơn Đào Trọng H và bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong suốt quá trình tố tụng là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3, Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hiện bị đơn đang cư trú tại xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Đào Trọng H, bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa và cung cấp chứng cứ cho Tòa án nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh và nghĩa vụ của người bị kiện nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điểm b; khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà A yêu cầu bị đơn bà H, ông H thanh toán số tiền 15.000.000 đồng, chứng cứ mà nguyên đơn khởi kiện là giấy mượn nợ ngày 28/3/2017 và ngày 11/4/2017. Theo nội dung trong giấy mượn tiền thì bà H, ông H có mượn của bà A tổng số tiền là 15.000.000 đồng, khi nào bà A cần tiền thì bà H, ông H trả tiền cho bà A. Do bà A đã nhiều lần yêu cầu mà bà H, ông H không thanh toán tiền như thỏa thuận. Nay bà A yêu cầu bà H, ông H liên đới thanh toán số tiền đã mượn là hoàn toàn có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Hoàng A đối

với bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Đào Trọng H theo quy định tại Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Hoàng A đối với bà Nguyễn Thị H và ông Đào Trọng H về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

- Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Đào Trọng H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Lê Hoàng A số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc Nguyễn Thị H và ông Đào Trọng H phải liên đới nộp số tiền 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

- Hoàn trả cho bà Lê Hoàng A số tiền 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà A đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0012841 vào ngày 15/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Quang Tuấn